

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU TRỒNG RỪNG NĂM 2021
(Bước 2: Nghiệm thu cơ sở)

1. Tên dự án: Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam tại tỉnh Nam Định (GCF Việt Nam tại tỉnh Nam Định).

2. Đối tượng nghiệm thu: Gói thầu “Trồng mới rừng ngập mặn tại huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định” thuộc Kế hoạch hoạt động năm 2021.

3. Địa điểm: xã Nghĩa Hải, Nghĩa Lâm và Nghĩa Thành - huyện Nghĩa Hưng - tỉnh Nam Định.

4. Thành phần

4.1. Đại diện Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Nam Định

- Ông: Nguyễn Sinh Tiến Chức vụ: Phó Giám đốc;

4.2. Đại diện Tiểu Ban quản lý dự án GCF tỉnh Nam Định

- Bà: Trần Thị Nguyệt Chức vụ: Phó Giám đốc;

- Ông: Nguyễn Viết Chung Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật;

- Ông: Nguyễn Xuân Thuận Chức vụ: Điều phối viên dự án;

- Bà: Mai Việt Hà Chức vụ: Kế toán dự án;

- Bà: Đặng Thị Thu Hường Chức vụ: Kế toán dự án;

4.3. Đại diện Chi cục Kiểm lâm Nam Định

- Ông: Trần Văn Hòa Chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách phòng Sử dụng & phát triển rừng;

- Ông: Vũ Dân Chức vụ: Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Nghĩa Hưng;

- Ông: Đỗ Hoàng Long Chức vụ: Kiểm lâm viên;

4.4. Đại diện UBND huyện Nghĩa Hưng

- Ông: Trần Trung Hiếu Chức vụ: Phó Chủ tịch.

4.5. Đại diện phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Nghĩa Hưng

- Ông: Hoàng Quang Tuyên Chức vụ: Phó trưởng phòng;

4.6. Đại diện UBND xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng

- Ông: Nguyễn Văn Quân Chức vụ: Chủ tịch;

- Ông: Nguyễn Văn Khanh Chức vụ: Công an xã, phụ trách bãi triều.

4.7. Đại diện UBND xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Hưng

- Ông: Trần Văn Tuấn Chức vụ: Phó Chủ tịch;

- Ông: Vũ Văn Tiều Chức vụ: Công an xã, phụ trách bãi triều.

4.8. Đại diện UBND xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng

- Ông: Trần Văn An Chức vụ: Chủ tịch;

- Ông: Trần Văn Thoại Chức vụ: Công an xã, phụ trách bãi triều.

4.9. Đại diện Nhà thầu thi công (Liên danh Đại Hải Phong - Mạnh Thuận)

- Ông: Nguyễn Xuân Hải Chức vụ: Giám đốc (Đại diện Liên danh);

- Bà: Nguyễn Thị Thuận Chức vụ: Giám đốc (CT TNHH Mạnh Thuận);

- Ông: Bùi Quang Hanh Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trường.

4.10. Đại diện đơn vị tư vấn Giám sát thi công trồng rừng (Công ty TNHH xây dựng Thành An)

- Ông: Phạm Văn Bình Chức vụ: Giám đốc;

- Ông: Lê Đình Tứ Chức vụ: Tư vấn Giám sát trưởng;

- Ông: Nguyễn Ngọc Thanh Chức vụ: Tư vấn giám sát viên.

4.11. Đại diện đơn vị tư vấn xây dựng thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình lâm sinh (Viện nghiên cứu sinh thái và môi trường rừng)

- Ông: Lê Văn Thành Chức vụ: Viện trưởng;
- Ông: Phạm Ngọc Thành Chức vụ: Cán bộ thiết kế kỹ thuật.

5. Thời gian nghiệm thu: Ngày 05 tháng 11 năm 2021

6. Căn cứ nghiệm thu

- Quyết định số 1029/QĐ-TTg ngày 13/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án “Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam” (Dự án GCF);

- Quyết định số 3637/BNN-HTQT ngày 07/9/2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT phê duyệt đầu tư Dự án GCF;

- Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

- Quyết định số 1205/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/4/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về ban hành hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng các loài cây: Trang, Sú, Mắm đen, Vẹt dù và Bần chua;

- Văn bản của UBND tỉnh Nam Định: số 1031/UBND-VP3 ngày 14/12/2017 về việc giao Sở Nông nghiệp & PTNT làm Chủ đầu tư dự án GCF tỉnh Nam Định;

- Các Quyết định của UBND tỉnh Nam Định: số 780/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh Văn kiện dự án thành phần và Kế hoạch hoạt động năm 2021 dự án GCF tỉnh Nam Định; số 1282/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình lâm sinh “Trồng mới rừng ngập mặn tại huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định” thuộc Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Dự án GCF tại tỉnh Nam Định;

- Thuyết minh thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình lâm sinh “Trồng mới rừng ngập mặn tại huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định” thuộc Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Dự án GCF tỉnh Nam Định đã được duyệt;

- Hợp đồng thi công số 03/2021/HĐTC ngày 03/8/2021 giữa Tiểu Ban quản lý dự án GCF tỉnh Nam Định và Liên danh Đại Hải Phong - Mạnh Thuận về việc thi công gói thầu: Trồng mới rừng ngập mặn tại huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định thuộc Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Dự án GCF tỉnh Nam Định;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công;

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Biên bản nghiệm thu công việc của nội bộ nhà thầu thi công;

- Bản vẽ hoàn công công trình;

- Kết quả kiểm tra hiện trường;

7. Đánh giá về khối lượng, chất lượng công việc đã thực hiện

7.1. Khối lượng thực hiện

*** Mô tả các công việc thực hiện tại thực địa:**

- Tổng diện tích nghiệm thu trồng mới rừng ngập mặn là 31,11ha, trong đó: Tại xã Nghĩa Hải: 25,81 ha (gồm lô 1: 11,33ha; lô 2: 1,48ha; lô 3: 3,04ha; lô 4: 4,98ha; lô 5: 4,98ha); tại xã Nghĩa Lâm: 1,02 ha (gồm lô 1: 1,02ha); tại xã Nghĩa Thành: 4,28 ha (gồm lô 1: 0,46ha, lô 2: 3,82ha).

- Dùng GPS, bản đồ hiện trạng và bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật trồng đã được phê duyệt tiến hành xác định diện tích trồng rừng và mốc ranh giới tọa độ của các lô, diện tích thực hiện trồng mới.

- Lập ô tiêu chuẩn (ÔTC) 100 m²/1 ô, số lượng các ÔTC được các lô được lập là 110 ÔTC, trong đó: tại xã Nghĩa Hải là: 75 ÔTC (Lô 1: 20 ÔTC, lô 2: 10 ÔTC, lô 3: 15 ÔTC, lô 4: 15 ÔTC, lô 5: 15 ÔTC); tại xã Nghĩa Lâm là 10 ÔTC (Lô 1); tại xã Nghĩa Thành là: 25 ÔTC (Lô 1: 10 ÔTC, lô 2: 15 ÔTC).

- Tiến hành kiểm đếm tổng số lượng cây, số lượng cây còn sống trên 1 ô tiêu chuẩn, kiểm tra việc cắm cọc và buộc dây; số lượng cọc mốc ranh giới lô rừng.

- Kiểm tra loài cây, hoạt động xử lý thực bì, kích thước hố đào và lấp hố. Tiến hành công tác nội nghiệp để tính tổng diện tích thi công trồng mới rừng, mật độ cây trên các lô và toàn lâm phân, tỷ lệ sống và tỷ lệ sống tốt của cây sau khi trồng.

7.2. Kết quả trồng mới rừng ngập mặn

7.2.1. Tại xã Nghĩa Thành

- Diện tích nghiệm thu là: 25,81 ha (gồm lô 1: 11,33ha; lô 2: 1,48ha; lô 3: 3,04ha; lô 4: 4,98ha; lô 5: 4,98ha), chi tiết cụ thể như sau:

a. Trồng rừng lô số 1

* Kết quả xác định diện tích trồng rừng và mốc ranh giới tọa độ bằng máy GPS tại hiện trường thi công, kết hợp đối chiếu trên bản đồ đã được duyệt, như sau:

- Diện tích đã thi công: 11,33ha/11,33ha, đạt 100%;
- Đã thực hiện cắm cọc mốc ranh giới lô: 55 cọc đảm bảo theo thiết kế;
- Đã phát thực bì và thu dọn các phế phẩm, rác thải phát sinh trong quá trình thi công thực hiện đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Loài cây trồng là Bần chua, đảm bảo theo thiết kế;
- Tiêu chuẩn giống: Đường kính cổ rễ (gốc) $\geq 1,5\text{cm}$, chiều cao $\geq 1\text{m}$ đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Mật độ đã thi công: 2.000 cây/ha; Cự ly cây cách cây 2,0m, hàng cách hàng 2,5m đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Đào hố trồng cây: 22.660 hố (kích thước 0,3x0,3x0,3m), đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;

- Đã cắm cọc, buộc dây chống cây: 22.660 cọc, đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật.

* Kết quả kiểm đếm và đánh giá chất lượng cây trồng thông qua lập ô tiêu chuẩn:

- Số cây sống: 1.940 cây/ha, đạt 97%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thiết kế): 1.900 cây/ha, đạt 95%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thi công) là: 1.900 cây/ha, đạt 95%.

b. Trồng rừng lô số 2

* Kết quả xác định diện tích trồng rừng và mốc ranh giới tọa độ bằng máy GPS tại hiện trường thi công, kết hợp đối chiếu trên bản đồ đã được duyệt, như sau:

- Diện tích đã thi công: 1,48ha/1,48 ha, đạt 100%;
- Đã thực hiện cắm cọc mốc ranh giới lô: 16 cọc đảm bảo theo thiết kế;
- Đã phát thực bì và thu dọn các phế phẩm, rác thải phát sinh trong quá trình thi công thực hiện đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Loài cây trồng là Bần chua, đảm bảo theo thiết kế;
- Tiêu chuẩn giống: Đường kính cổ rễ (gốc) $\geq 1,5\text{cm}$, chiều cao $\geq 1\text{m}$ đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Mật độ thi công: 2.000 cây/ha; Cự ly cây cách cây 2,0m, hàng cách hàng 2,5m đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Đào hố trồng cây: 2.960 hố (kích thước 0,3x0,3x0,3m), đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;

- Đã cắm cọc, buộc dây chống cây: 2.960 cọc, đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật.

* Kết quả kiểm đếm và đánh giá chất lượng cây trồng thông qua lập ô tiêu chuẩn:

- Số cây sống: 1.960 cây/ha, đạt 98%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thiết kế): 1.920 cây/ha, đạt 96%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thi công) là: 1.920 cây/ha, đạt 96%.

c. Trồng rừng lô số 3

* Kết quả xác định diện tích trồng rừng và mốc ranh giới tọa độ bằng máy GPS tại hiện trường thi công, kết hợp đối chiếu trên bản đồ đã được duyệt, như sau:

- Diện tích đã thi công: 3,04ha/3,04 ha, đạt 100%;
- Đã thực hiện cắm cọc mốc ranh giới lô: 10 cọc đảm bảo theo thiết kế;
- Đã phát thực bì và thu dọn các phế phẩm, rác thải phát sinh trong quá trình thi công thực hiện đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Loài cây trồng là Bần chua, đảm bảo theo thiết kế;
- Tiêu chuẩn giống: Đường kính cổ rễ (gốc) $\geq 1,5\text{cm}$, chiều cao $\geq 1\text{m}$ đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Mật độ thi công: 2.000 cây/ha; Cự ly cây cách cây 2,0m, hàng cách hàng 2,5m đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Đào hố trồng cây: 6.080 hố (kích thước 0,3x0,3x0,3m), đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Đã cắm cọc, buộc dây chống cây: 6.080 cọc, đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật.
- * Kết quả kiểm đếm và đánh giá chất lượng cây trồng thông qua lập ô tiêu chuẩn:
- Số cây sống: 1.940 cây/ha, đạt 97%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thiết kế): 1.920 cây/ha, đạt 96%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thi công) là: 1.920 cây/ha, đạt 96%.

d. Trồng rừng lô số 4

- * Kết quả xác định diện tích trồng rừng và mốc ranh giới tọa độ bằng máy GPS tại hiện trường thi công, kết hợp đối chiếu trên bản đồ đã được duyệt, như sau:
- Diện tích đã thi công: 4,98ha/4,98 ha, đạt 100%;
- Đã thực hiện cắm cọc mốc ranh giới lô: 10 cọc đảm bảo theo thiết kế;
- Đã phát thực bì và thu dọn các phế phẩm, rác thải phát sinh trong quá trình thi công thực hiện đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Loài cây trồng là Bần chua, đảm bảo theo thiết kế;
- Tiêu chuẩn giống: Đường kính cổ rễ (gốc) $\geq 1,5\text{cm}$, chiều cao $\geq 1\text{m}$ đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Mật độ thi công: 2.000 cây/ha; Cự ly cây cách cây 2,0m, hàng cách hàng 2,5m đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Đào hố trồng cây: 9.960 hố (kích thước 0,3x0,3x0,3m), đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Đã cắm cọc, buộc dây chống cây: 9.960 cọc, đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật.
- * Kết quả kiểm đếm và đánh giá chất lượng cây trồng thông qua lập ô tiêu chuẩn:
- Số cây sống: 1.960 cây/ha, đạt 98%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thiết kế): 1.960 cây/ha, đạt 98%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thi công) là: 1.960 cây/ha, đạt 98%.

e. Trồng rừng lô số 5

- * Kết quả xác định diện tích trồng rừng và mốc ranh giới tọa độ bằng máy GPS tại hiện trường thi công, kết hợp đối chiếu trên bản đồ đã được duyệt, như sau:
- Diện tích đã thi công: 4,98ha/4,98 ha, đạt 100%;
- Đã thực hiện cắm cọc mốc ranh giới lô: 10 cọc đảm bảo theo thiết kế;
- Đã phát thực bì và thu dọn các phế phẩm, rác thải phát sinh trong quá trình thi công thực hiện đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Loài cây trồng là Bần chua, đảm bảo theo thiết kế;
- Tiêu chuẩn giống: Đường kính cổ rễ (gốc) $\geq 1,5\text{cm}$, chiều cao $\geq 1\text{m}$ đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Mật độ thi công: 2.000 cây/ha; Cự ly cây cách cây 2,0m, hàng cách hàng 2,5m đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Đào hố trồng cây: 9.960 hố (kích thước 0,3x0,3x0,3m), đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Đã cắm cọc, buộc dây chống cây: 9.960 cọc, đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật.

* Kết quả kiểm đếm và đánh giá chất lượng cây trồng thông qua lập ô tiêu chuẩn:

- Số cây sống: 1.940 cây/ha, đạt 97%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thiết kế): 1.900 cây/ha, đạt 95%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thi công) là: 1.900 cây/ha, đạt 95%.

7.2.2. Tại xã Nghĩa Lâm

* Diện tích đã thi công và kiểm tra kỳ này là: 1,02 ha (gồm lô 1), chi tiết cụ thể như sau:

* Kết quả xác định diện tích trồng rừng và mốc ranh giới tọa độ bằng máy GPS tại hiện trường thi công, kết hợp đối chiếu trên bản đồ đã được duyệt, như sau:

- Diện tích đã thi công: 1,02ha/1,02ha, đạt 100%;
- Đã thực hiện cắm cọc mốc ranh giới lô: 13 cọc đảm bảo theo thiết kế;
- Đã phát thực bì và thu dọn các phế phẩm, rác thải phát sinh trong quá trình thi công thực hiện đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Loài cây trồng là Bần chua, đảm bảo theo thiết kế;
- Tiêu chuẩn giống: Đường kính cổ rễ (gốc) $\geq 1,5\text{cm}$, chiều cao $\geq 1\text{m}$ đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Mật độ đã thi công: 2.000 cây/ha; Cự ly cây cách cây 2,0m, hàng cách hàng 2,5m đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Đào hố trồng cây: 2.040 hố (kích thước 0,3x0,3x0,3m), đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;

- Đã cắm cọc, buộc dây chống cây: 2.040 cọc, đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật.

* Kết quả kiểm đếm và đánh giá chất lượng cây trồng thông qua lập ô tiêu chuẩn:

- Số cây sống: 1.940 cây/ha, đạt 97%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thiết kế): 1.900 cây/ha, đạt 95%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thi công) là: 1.900 cây/ha, đạt 95%.

7.2.3. Tại xã Nghĩa Thành

- Diện tích đã thi công và kiểm tra kỳ này là: 4,28 ha (gồm lô 1, lô 2), chi tiết cụ thể như sau:

a. Trồng rừng lô số 1

* Kết quả xác định diện tích trồng rừng và mốc ranh giới tọa độ bằng máy GPS tại hiện trường thi công, kết hợp đối chiếu trên bản đồ đã được duyệt, như sau:

- Diện tích đã thi công: 0,46ha/0,46ha, đạt 100%;
- Đã thực hiện cắm cọc mốc ranh giới lô: 08 cọc đảm bảo theo thiết kế;
- Đã phát thực bì và thu dọn các phế phẩm, rác thải phát sinh trong quá trình thi công thực hiện đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Loài cây trồng là Bần chua, đảm bảo theo thiết kế;
- Tiêu chuẩn giống: Đường kính cổ rễ (gốc) $\geq 1,5\text{cm}$, chiều cao $\geq 1\text{m}$ đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Mật độ đã thi công: 2.000 cây/ha; Cự ly cây cách cây 2,0m, hàng cách hàng 2,5m đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Đào hố trồng cây: 920 hố (kích thước 0,3x0,3x0,3m), đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;

- Đã cắm cọc, buộc dây chống cây: 920 cọc, đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật.

* Kết quả kiểm đếm và đánh giá chất lượng cây trồng thông qua lập ô tiêu chuẩn:

- Số cây sống: 1.960 cây/ha, đạt 98%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thiết kế): 1.940 cây/ha, đạt 97%;
- Số cây sống tốt (so với mật độ thi công) là: 1.940 cây/ha, đạt 97%.

b. Trồng rừng lô số 2

* Kết quả xác định diện tích trồng rừng và mốc ranh giới tọa độ bằng máy GPS tại hiện trường thi công, kết hợp đối chiếu trên bản đồ đã được duyệt, như sau:

- Diện tích đã thi công: 3,82ha/3,82ha, đạt 100%;

- Đã thực hiện cắm cọc mốc ranh giới lô: 20 cọc đảm bảo theo thiết kế;
- Đã phát thực bì và thu dọn các phế phẩm, rác thải phát sinh trong quá trình thi công thực hiện đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Loài cây trồng là Bần chua, đảm bảo theo thiết kế;
- Tiêu chuẩn giống: Đường kính cổ rễ (gốc) $\geq 1,5\text{cm}$, chiều cao $\geq 1\text{m}$ đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Mật độ thi công: 2.000 cây/ha; Cự ly cây cách cây 2,0m, hàng cách hàng 2,5m đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Đào hố trồng cây: 7.640 hố (kích thước 0,3x0,3x0,3m), đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật;
- Đã cắm cọc, buộc dây chống cây: 7.640 cọc, đảm bảo theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật.
- * Kết quả kiểm đếm và đánh giá chất lượng cây trồng thông qua lập ô tiêu chuẩn:
 - Số cây sống: 1.960 cây/ha, đạt 98%;
 - Số cây sống tốt (so với mật độ thiết kế): 1.940 cây/ha, đạt 97%;
 - Số cây sống tốt (so với mật độ thi công) là: 1.940 cây/ha, đạt 97%.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

7.3. Chất lượng công việc

Công trình thực hiện đảm bảo chỉ tiêu thiết kế đã được phê duyệt, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

8. Các ý kiến khác: Không có ý kiến khác

9. Kết luận, kiến nghị

9.1. Kết luận

Chấp nhận nghiệm thu công trình hoàn thành và đưa vào chăm sóc, quản lý và bảo vệ.

9.2. Kiến nghị

Sau khi nghiệm thu hạng mục công việc trồng rừng hoàn thành. Đề nghị Đơn vị thi công trồng rừng (Liên danh Đại Hải Phong - Mạnh Thuận) tiếp tục thực hiện các hạng mục chăm sóc rừng trồng, bảo vệ rừng và các hạng mục khác liên quan theo thiết kế đã được duyệt và Hợp đồng số 03/2021/HĐTC ngày 03/8/2021 đã được ký kết; Có trách nhiệm thực hiện việc chăm sóc, bảo vệ rừng trong thời gian 41 tháng bao gồm các công việc:

- Tiến hành kiểm tra cây, dựng cây đổ ngã và vun gốc cho cây đứng vững; trồng dặm những cây bị chết và bị sóng đánh trôi để đảm bảo tỷ lệ cây sống theo quy định của Bộ Nông nghiệp & PTNT (tại Quyết định số 1205/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/4/2016 về ban hành hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng các loài cây: Trang, Sú, Mắm đen, Vẹt dù và Bần chua và Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 về việc Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh); gỡ bỏ rong rêu, bèo và vật cản vướng trên cây; phát hiện và xử lý sâu bệnh nếu có. Công việc này được thực hiện định kỳ mỗi năm 4 lần theo chu kỳ thủy triều, khi nước cạn – ban ngày.

- Tổ chức tuần tra canh gác phát hiện kịp thời, ngăn chặn không cho người, trâu bò, dê, thuyền bè, các phương tiện đánh bắt thủy sản vào khu vực rừng trồng làm đổ ngã và trôi nổi cây ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây. Không được đắp đất, quây lưới, ngăn dòng chảy trong rừng trồng để nuôi trồng thủy sản hoặc sản xuất kết hợp. Lập biên bản ghi nhật ký các vụ vi phạm và báo cáo Chủ đầu tư, Tiểu Ban quản lý dự án bằng văn bản.

- Bảo hành công trình lâm sinh là 12 tháng tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao. Thời gian bảo hành được gia hạn cho đến khi bên B có sản phẩm rừng trồng có tỷ lệ cây sống tốt đạt theo quy định của Bộ Nông nghiệp & PTNT (tại Quyết định số 1205/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/4/2016 về ban hành hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng các loài cây: Trang, Sú, Mắm đen, Vẹt dù, Bần chua và Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 về việc Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh).

Biên bản đã được thông qua, các thành viên tham dự nhất trí ký tên. Biên bản gồm 07 trang được lập thành 11 bản có giá trị như nhau./.

**ĐẠI DIỆN
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT NAM ĐỊNH**



**ĐẠI DIỆN
UBND HUYỆN NGHĨA HƯNG**



**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
TRẦN TRUNG HIỆU**

**ĐẠI DIỆN
UBND XÃ NGHĨA HẢI**



**CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN QUÂN**

**ĐẠI DIỆN
UBND XÃ NGHĨA LÂM**



**PHÓ CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN TUẤN**

**ĐẠI DIỆN
UBND XÃ NGHĨA THÀNH**



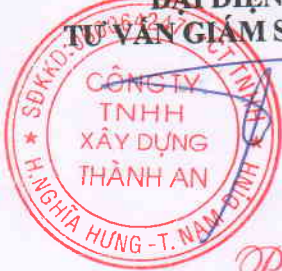
**CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN AN**

**ĐẠI DIỆN
NHÀ THẦU THI CÔNG**



**GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN HẢI**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG**



**GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Bình**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN XÂY DỰNG
THIẾT KẾ KỸ THUẬT, DỰ TOÁN**

Lê Văn 9

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIỆM THU TRỒNG RỪNG

(Bước 2: Nghiệm thu cơ sở)

(Kèm theo biên bản nghiệm thu trồng rừng ngày 05 tháng 11 năm 2021)

- Tên dự án:** Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam.
- Gói thầu:** Trồng mới rừng ngập mặn tại huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.
- Địa điểm:** xã Nghĩa Hải, Nghĩa Lâm và Nghĩa Thành - huyện Nghĩa Hưng - tỉnh Nam Định.
- Kết quả:**

Tiến hành xác định diện tích trồng rừng và cọc mốc ranh giới tọa độ bằng máy GPS tại hiện trường thi công, kết hợp đối chiếu trên bản đồ đã được duyệt.

Đo, đếm và đánh giá chất lượng cây trồng thông qua lập ô tiêu chuẩn (Có biểu kết quả đo đếm, đánh giá chất lượng cây trồng bằng phương pháp lập ô tiêu chuẩn tại Biên bản kiểm tra hiện trường trồng rừng ngày 21 tháng 10 năm 2021 kèm theo).

Tổng hợp kết quả cụ thể như sau:

TT	Xã quản lý	Tên lô	Diện tích (ha)			Mật độ trồng (cây/ha)		Cây sống tốt (cây/ha)		Diện tích đạt yêu cầu (ha)
			Thiết kế	Bàn giao	Thi công	Thiết kế	Thi công	Tỷ lệ % (so với mật độ thiết kế)	Tỷ lệ % (so với mật độ thi công)	
1	Xã Nghĩa Hải		25,81	25,81	25,81					25,81
		Lô 1	11,33	11,33	11,33	2.000	2.000	Bản chưa: 1.900 cây/ha, đạt 95%	Bản chưa: 1.900 cây/ha, đạt 95%	11,33
		Lô 2	1,48	1,48	1,48	2.000	2.000	Bản chưa: 1.920 cây/ha, đạt 96%	Bản chưa: 1.920 cây/ha, đạt 96%	1,48
		Lô 3	3,04	3,04	3,04	2.000	2.000	Bản chưa: 1.920 cây/ha, đạt 96%	Bản chưa: 1.920 cây/ha, đạt 96%	3,04
		Lô 4	4,98	4,98	4,98	2.000	2.000	Bản chưa: 1.960 cây/ha, đạt 98%	Bản chưa: 1.960 cây/ha, đạt 98%	4,98
		Lô 5	4,98	4,98	4,98	2.000	2.000	Bản chưa: 1.900 cây/ha, đạt 95%	Bản chưa: 1.900 cây/ha, đạt 95%	4,98

TT	Xã quản lý	Tên lô	Diện tích (ha)			Mật độ trồng (cây/ha)		Cây sống tốt (cây/ha)		Diện tích đạt yêu cầu (ha)
			Thiết kế	Bàn giao	Thi công	Thiết kế	Thi công	Tỷ lệ % (so với mật độ thiết kế)	Tỷ lệ % (so với mật độ thi công)	
2	Xã Nghĩa Lâm		1,02	1,02	1,02					1,02
		Lô 1	1,02	1,02	1,02	2.000	2.000	Bản chưa: 1.900 cây/ha, đạt 95%	Bản chưa: 1.900 cây/ha, đạt 95%	1,02
3	Xã Nghĩa Thành		4,28	4,28	4,28					4,28
		Lô 1	0,46	0,46	0,46	2.000	2.000	Bản chưa: 1.940 cây/ha, đạt 97%	Bản chưa: 1.940 cây/ha, đạt 97%	0,46
		Lô 2	3,82	3,82	3,82	2.000	2.000	Bản chưa: 1.940 cây/ha, đạt 97%	Bản chưa: 1.940 cây/ha, đạt 97%	3,82
	Tổng cộng:		31,11	31,11	31,11					31,11